How to sort & dispose of garbage

The way of disposing of garbage depends on the type of garbage. Check the “Tsukuba City Garbage Disposal Calendar” and dispose of garbage on the designated date and time (by 8 am of the collection day). Please, put “Burnable garbage” in appropriate bag designated by the city (other bags will not be collected).
For detailed information on how to sort and dispose of garbage, please, consult the “Guide to Sorting and Disposal of Garbage” distributed by the city.

Guía sobre la forma de clasificar y desechar la basura

La forma de desechar la basura depende del tipo de ésta. Verifique el “Calendario de los días de desecho de la basura en la Ciudad de Tsukuba” y sáquela en el día y horario indicados (hasta las 8 de la mañana del mismo día). En cuanto a la “basura combustible”, colóquela en la bolsa indicada por la Municipalidad de Tsukuba. (En otras bolsas no serán recolectadas.) Para mayor información sobre la forma de clasificar y desechar la basura, consultar con el “Manual sobre la forma de clasificar y desechar la basura”, distribuido por la municipalidad.

Sobre a Classificação e Descarte de lixo

A forma de descartar o lixo varia de acordo com o seu tipo. Verifique o “Calendário de lixo na cidade de Tsukuba” e descarte somente nos dias e horários determinados (até as 8:00 horas da manhã do dia da coleta). O lixo incinerável deverá ser colocado em sacos indicados pela prefeitura (lixos colocados em outros sacos não serão coletados). Para maiores informações, consulte o “Guia de Classificação e Descarte de Lixo”, distribuido pela prefeitura de Tsukuba.

垃圾分类・倒放方法

根据垃圾的种类收集日期也不同。请按照「筑波市垃圾收集日历」，在规定时间内倒放垃圾（收集日的早上8点前）。
「可燃垃圾」必须使用筑波市指定的可燃垃圾袋（其他垃圾袋不回收）。
有关分类及倒放方法的详细信息，请参照筑波市发行的「垃圾分类方法・倒放方法指南」。

쓰레기분리방법・배출방법

쓰레기 종류에 따른 배출 방법이 변경됩니다.「츠쿠바시 쓰레기 배출 달력」을 확인하시고, 반드시 요일과 시간을 지켜서（수집일의 오전 8시까지）배출해 주시기 바랍니다.「가연쓰레기」는 츠쿠바시 지정 쓰레기봉투에 넣어서 버려 주시기 바랍니다. 지정봉투가 아닌 봉투로 버리시면 수집되지 않습니다. 분별과 배출방법에 관한 상세한 정보는 시에서 배포하고 있는 「쓰레기 분별・배출 가이드」를 참조해 주시기 바랍니다.

คู่มือ วิธีการแยกและทิ้งขยะ

วันที่ทิ้งขยะแต่ละประเภทจะแตกต่างกันไป ดังนั้นกรุณาทิ้งขยะในวันและเวลาที่กำหนดไว้ (ต้องทิ้งก่อน๘โมงเช้า)
โดยตรวจสอบวันที่ทิ้งด้วย”ปฏิทินวันทิ้งขยะเมืองสึคุบะ”ทั้งนี้”ขยะเผาได้”จะต้องใส่ขยะในถุงมี่เมืองสึคุบะกำหนดก่อนนำไปทิ้ง(หากใส่ถุงอย่างอื่นทางเมืองจะไม่เก็บขยะ)
ข้อมูลรายละเอียดเกี่ยวกับการแยกและทิ้งขยะครัวเรือนนั้นกรุณาอ่าน คู่มือ วิธีการแยกและทิ้งขยะ” ซึ่งหนังสือคู่มือเล่มนี้มีวางแจกที่เคาน์เตอร์ประชาสัมพันธ์ของที่ว่าการอำเภอ

Cách phân loại rác・vứt rác

Tuỳ theo loại rác mà cách vứt rác sẽ khác nhau. Hãy kiểm tra ở「Lịch vứt rác của thành phố Tsukuba」 Hãy tuân thủ vứt rác đúng ngày giờ (trước 8 giờ sáng của ngày thu rác). 「Rác đốt được」 hãy cho vào bao rác đã được thành phố Tsukuba chỉ định (loại bao khác sẽ không được mang đi). Các thông tin cụ thể về phân loại và vứt rác, hãy tham khảo 「Tờ hướng dẫn phân loại・ vứt rác」 mà thành phố đã phát.

BURNABLE GARBAGE
Take them out in the bag designated by the city

BASURA COMBUSTIBLE
Sacar en la bolsa indicada por la municipalidad

Lixo Incinerável
Descarte o lixo utilizando os sacos designados pela prefeitura

可燃垃圾
放入指定的垃圾袋内

가연쓰레기
지정봉투에 넣어서 버려주세요.

ขยะเผาได้
ต้องใส่ขยะในถุงที่เมืองสึคุบะกำหนดก่อนนำไปทิ้ง

Rác đốt được
Hãy cho vào bao đã được chỉ định

Designated bag
Bolsa Indicada
Saco designado
指定的垃圾袋
지정봉투
ถุงขยะที่กำหนด
Bao chỉ định

NON-BURNABLE GARBAGE
Take them out in transparent or semi-transparent bag

BASURA NO COMBUSTIBLE
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente.

Lixo não incinerável
Jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

不可燃垃圾
将不可燃垃圾放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点

불연쓰레기
투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

ขยะเผาได้
ต้องใส่ขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Rác không đốt được
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

SPRAY CANS
Bore a hole into them, then take them out in transparent or semi-transparent bag

AEROSOLES
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente después de perforar la lata

Aerossóis
Perfurar a lata e jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

喷雾式容器
请在罐上开孔，放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点。

스프레이용기
캔에 구멍을 뚫은후 투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

กระป๋องสเปรย
ต้องเจาะรูก่อนใส่ขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Bình nén khí
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

PLASTIC PACKS & WRAPS
Take them out in transparent or semi-transparent bag

EMPAQUES Y ENVASES DE PLÁSTICO
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente.

Recipientes e Embalagens Plásticas
Jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

塑料制容器包装
将塑料瓶垃圾放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点。

플라스틱제 용기포장
투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

พลาสติก
ต้องใส่ขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Hộp đựng và bao bì bằng nhựa.
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

Food scraps, paper, small pieces of wood, plastic products, expanded polystyrene products (foam), rubber products, leather products, plastic wraps, snack bags, desiccant, coolants, video tapes, CDs, diapers, non-metallic rods, dry leaves or branches (max= 15 cm in width per branch)

Desperdicios de cocina, papeles, trozos pequeños de madera, productos de plástico, productos de polietileno expandido (tecnopor), productos de goma, productos de cuero, envolturas de plástico, bolsas de bocadillos, desecantes, refrigerantes, videocintas, discos compactos, pañales, varillas que no son metálicas, hojas secas o ramas del jardín (el grosor de cada una no puede ser mayor a 15 cm), etc.

Resíduos de cozinha, papéis, pedaços pequenos de madeira, produtos de plástico, produtos de poliestireno expandido (isopor), produtos de borracha, produtos de couro, envoltórios de plástico, sacos de lanches, dessecantes, refrigerantes, fitas de vídeo, discos compactos, fraldas, varetas que não sejam metálicas, folhas ou galhos de jardim (a largura de cada feixe não pode untrapassar de 15 cm)

厨房垃圾，纸屑，木屑，塑料制品，泡沫聚苯乙烯，橡胶，皮革制品，保鲜膜，塑料袋，点心糕点袋，干燥剂，保冷剂，录像带，录音带，CD，DVD，纸尿布，金属以外的棒状物，庭院的落叶与树枝（树枝粗 15cm 以内）

음식물쓰레기,휴지조각,나무조각,플라스틱제품,스티로폴,고무제품,가죽제품,랩,스낵과자봉투,건조제,보냉제,비디오,테이프,CD,DVD,종이기저귀,금속을 제외한 막대기 모양의 물체,낙엽,나뭇가지（하나의 굵기가 15㎝이내）

เศษอาหาร เศษกระดาษ เศษไม้ ผลิตภัณฑ์พลาสติก โฟม ผลิตภัณฑ์ยาง/ผลิตภัณฑ์หนัง ฟิล์มห่ออาหาร ถุงขนม สารดูดความชื้น/สารเก็บความเย็น ม้วนวีดีโอ/แผ่นซีดี/ดีวีดี ผ้าอ้อมเด็ก แท่งที่ไม่ใช่โลหะ ใบไม้ร่วงและกิ่งไม้(ต้นหนึ่งความหนาไม่เกิน๑๕ cm)

Rác sống, giấy, gỗ vụn, đồ nhựa, đồ cao su, đồ da, nilon bọc thức ăn, gói chống ẩm, gói giữ lạnh, băng video, CD, tả lót, thanh cây không có phần kim loại, lá cây khô hoặc cành cây khô (1 cây to dưới 15cm)

Glass ware, tableware, plastic and metal objects. Small electrical appliances less than 50cm per side, aluminum foils and disposable body warmers.

Productos de vidrio, vajilla, objetos de plástico y metal, artefactos eléctricos pequeños de menos de 50 cm por lado, lámina de aluminio y calentador de bolsillo, etc.

Produtos de vidro, louça, objetos de plástico e metal, artefatos electricos de pequeno porte, com menos de 50 cm de cada lado, folhas de alumínio e aquecedores de bolso

玻璃制品，陶器制品，塑料和金属等的复合制品，最大边不超过50cm的小型家电，铝箔，怀炉

유리제품,도자기류,플라스틱과 금속으로 된 복합제품. 한변의 길이가 50㎝미만인 소형가전제품, 알루미늄호일,1회용핫팩

ผลิตภัณฑ์แก้ว เครื่องดินเผา ผลิตภัณฑ์ที่ทำจากพลาสติกและโลหะ เครื่องใช้ไฟฟ้าขนาดเล็กที่มีความยาวไม่เกิน๕๐ cm อลูมิเนียมฟอยล์ ถุงทรายร้อนไคโร

Đồ tủy tinh, chén bát, đồ vật lẫn sắt và nhựa, đồ điện gia dụng loại nhỏ dưới 50cm, giấy bạc, miếng sưởi ấm sử dụng 1 lần.

Sprays, cartridge type gas cylinders

Aerosoles, cilindro de gas tipo cartucho, etc.

Aerossóis, cilindro de gás tipo cartucho

喷雾式罐，丁烷气罐

스프레이캔,부탄가스통

กระป๋องสเปรย์ กระป๋องแก๊ส

Bình nén khí, bình ga

Clean plastic packs & wraps with PLA-MARK. If you are not sure, then discard to “Burnable Garbage”

Plástico con la marca identificatoria y que no esté sucio. En caso de tener dudas, sáquela como basura combustible.

Plásticos nao sujos com a marca de reciclagem “プラ” Em caso de dúvida, descarte como lixo incinerável

有普拉标志的干净的空塑料瓶，不好判断 判时，请放在「可燃垃圾」处。

플라마크가 있는,깨끗한 플라스틱 판단이 어려울때는「가연쓰레기」로

มีตรา”พุรา”พลาสติคที่ไม่สกปรกกรณีที่ตัดสินไม่ได้ ให้จัดอยู่ประเภท”ขยะเผาได้”

Đồ nhựa không bị dơ, có nhãn Pura Trong trường hợp phân vân thì hãy bỏ vào「Rác đốt được」

CANS
Take them out in transparent or semi-transparent bag

LATAS
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente.

Latas
Jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

罐
将罐类垃圾放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点

캔
투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

กระป๋อง
ต้องใส่ขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Lon
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

GLASS BOTTLES
Take them out in transparent or semi-transparent bag

BOTELLAS Y FRASCOS
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente.

Garrafas e Frascos
Jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

瓶
将瓶类垃圾放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点。

병
투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

ขวดแกว
ต้องใส่ขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Chai
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

PLASTIC BOTTLES PET
Take them out in transparent or semi-transparent bag

BOTELLAS DE PLÁSTICO PET
Sacar en la bolsa transparente o semitransparente.

Garrafas de plástico PET
Jogar em sacos transparentes ou semi-transparentes

塑料瓶
将塑料瓶垃圾放入透明或半透明袋子内，放到指定的垃圾点。

페트병
투명하거나 반투명한 봉투에 넣어서 버려주세요.

ขวดพลาสติกเครื่องดืม
ต้องใสขยะในถุงไสหรือกึ่งไสก่อนนำไปทิ้ง

Chai nhựa
Hãy cho vào bao nilon trong suốt hoặc trong mờ.

USED PAPER & CLOTHES
Take out after binding them into a stock

PAPEL Y ROPA USADOS
Sacar después de amarrar con una cuerda.

Papéis・Roupas usadas
Jogar apos amarrar em feixes

旧纸类・旧布类
请分别用绳子捆绑好，放到指定的垃圾点。

폐지・의류
묶어서 버려주세요.

กระดาษใช้แล้ว/เสื้อผ้าเก่า
บิดก่อนใสถุงขยะ

Giấy báo cũ・đồ vải cũ
Hãy cột dây lại rồi vứt

OVERSIZED GARBAGE
Extra charge will apply. Call the city hall to make reservation at least 2 days in advance.

BASURA DE GRAN TAMAÑO
Tiene un costo aparte. Llamar por teléfono a la municipalidad como mínimo 2 días antes de sacarla.

Lixo de grande porte
Existência de Custo adicional. Ligar para a prefeitura.com minimo de 2 dias de antecedência

大件垃圾
收费并需要预约，请在2天前致电市役所预约

대형쓰레기
별도요금이 듭니다. 버리시기 2일전에 시청으로 전화해 주세요.

ขยะที่มีขนาดใหญ่
เสียค่าใช้จ่ายต่างหาก โทรศัพท์ไปที่อำเภอล่วงหน้าก่อนทิ้ง๒วัน

Rác to cồng kềnh
Sẽ phải mất tiền. Hãy gọi điện thoại đến cơ quan hành chính thành phố trước 2 ngày bỏ rác.

Empty cans of drinks or food.

Latas vacías de bebidas, comida y de otras cosas

Latas vazias de bebidas ou alimentos

饮料用空罐，食品用空罐

음료나 식품의 빈캔

กระป๋องเครื่องดื่ม/อาหารเปล่า

Lon nước・lon đồ ăn rỗng

Empty bottles of drinks or food.

Botellas vacías de bebidas y comida

Garrafas vazias de bebidas ou alimentos

饮料用空瓶，食品用空瓶

음료나 식품의 빈병

ขวดแก้วครื่องดื่ม/อาหารเปล่า อาหารเปล่า

Chai nước・chai đồ ăn rỗng

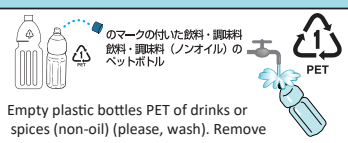

Empty plastic bottles PET of drinks or spices (non-oil) (please, wash). Remove labels and caps to “Plastic Packs & Wraps”

Botellas vacías de plástico PET de bebidas o condimentos (sin aceite). Quitar la etiqueta y la tapa, y luego desecharlas como EMPAQUES Y ENVASES DE PLÁSTICO.

Garrafas vazias PET de bebidas ou condimentos (sem óleo) Para o descarte de tampas e etiquetas, referenciar “Recepientes e Embalagens Plasticas” acima.

有PET标志的空饮料，调味料（不含油）的塑料瓶（请取下盖子和标签，洗净内部）取下的瓶盖及标签请丢放在塑料容器垃圾内

식료・조미료（기름이 묻어있지 않은）페트병. 뚜껑과 라벨은 「플라스틱제용기포장」으로

ขวดพลาสติกเครื่องดื่ม เครื่องปรุง(ที่ไม่ใช่น้ำมัน) ต้องแกะฝาและฉลากออก

Chai nhựa đựng nước・gia vị (không có dầu) Hãy bỏ nắp chai và vỏ bao bì vào rác 「Hộp đựng và bao bì bằng nhựa.」

Newspapers, fliers, magazines, books, paper bags, cardboard boxes, other paper products, clothes, curtains and blankets

Periódicos, volantes, revistas, libros, envase de papel, otros productos de papel, cajas de cartón, prendas de vestir, cortinas, mantas, etc.

Jornais, folhetos, revistas, livros, sacos de papel, outros produtos de papel, caixas de papelão, roupas, cortinas e cobertores

报纸，广告纸/杂志，书，纸袋，其他纸类/硬纸箱/衣物/窗帘/毯子

신문,광고지,잡지,책,종이팩,기타 잡종이,골판지,의류,커텐,담요

กระดาษหนังสือพิมพ์/ใบปลิว นิตยสารหนังสือ กระดาษแข็ง กระดาษอื่นๆ กล่องกระดาษ เสื้อผ้า ผ้าม่าน ผ้าห่ม

Báo, tờ rơi, tạp chí, sách, bao giấy, thùng cạc ton, giấy vụn, quần áo, màn cửa, chăn bông

Oversized Garbage Collection Center (Inside City Hall)
Phone: 029-860-2984
Hours: 8:30～17:15

Electrical appliances that exceed 50cm on the longest side (excluding air conditioners, televisions, refrigerators, washing machines and computers), furniture, beddings, small vehicles (bicycles, motorcycles under 125cc)

Artefactos eléctricos de más de 50 cm por lado (no incluye aire acondicionado, televisor, refrigerador, lavadora y computador), muebles, artículos de dormitorio, vehículos pequeños de dos ruedas (bicicletas, motocicletas de menos de 125 cc, etc.) y otras cosas.

Artefatos eléctricos com mais de 50 cm de cada lado (Nao inclui ar condicionado, televisão, geladeira, máquina de lavar e computador), móveis, artigos de dormitóno, veículos pequenos (bicicletas, moto- cicletas de menos de 125 cc, etc.)

最大边50cm以上的家用电器（空调，电视机，电冰箱，洗衣机，电脑除外），家具，寝具，小型二轮车（自行车，125cc以下的摩托车等）

한변의 최대길이가 50㎝이상인 가전제품（에어컨,텔레비전,냉장고,세탁기,PC제외）, 가구,침구류,소형이륜차（자전거,125㎝이하의 오토바이 등）

เครื่องใช้ไฟฟ้าที่มีความยาวเกิน๕๐ cm (ยกเว้น แอร์ ทีวี ตู้เย็น เครื่องซักผ้าและคอมผิวเตอร์) เฟอร์นิเจอร์ เครื่องนอน จักรยานและจักรยานยนต์ขนาดไม่เกิน๑๒๕ซีซี

Đồ điện gia dụng loại nhỏ dưới 50cm (ngoại trừ máy lạnh, ti vi, tủ lạnh, máy giặt, máy vi tính vv...), đồ nội thất, đồ dùng phòng ngủ, xe loại nhỏ (xe đạp, xe máy dưới 125cc)

ごみ分別アプリ
さんあ～る®
App Store からダウンロード
GET IT ON Google Play

How about trying out garbage separation app “threeR”?
On this smartphone application you can get the notifications about what garbage to be collected on that day as well as to check how to separate the garbage and the garbage collection schedule. N.B. The use is free, but normal communication charges apply. Available in Japanese and English. Main functions are as follows: -Garbage Separation Dictionary: item-by-item search for how to separate and what to be aware of. -Garbage Calendar: confirmation of garbage collection schedule in a style of a calendar. -Notification Function: notice of garbage collection day on time designated by you.

For more information, call Tsukuba City Hall : 029-883-1111／Sustaina Square : 029-867-1379